TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2025
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phong.

Bà Lê Thị Hồng Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Đào Văn Hoàng A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn Hoàng A tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị T và anh Hoàng A chung sống với nhau rất hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến với nhau trong

cuộc sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh Hoàng A sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn Hoàng A có 02 người con chung tên Đào Ngọc M, sinh ngày 02/11/2009 và Đào Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/5/2018. Hiện nay 02 con chung M và T1 đang sống chung với chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Đào Văn Hoàng A.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu nuôi 02 con chung tên Đào Ngọc M, sinh ngày 02/11/2009 và Đào Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/5/2018 cho đến khi cháu M và cháu T1 thành niên, chị T không yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 35/TB-TLVA ngày 18 tháng 02 năm 2025, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Đào Văn Hoàng A, nhưng anh Hoàng A không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Hoàng A để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hoàng A vắng mặt không có lý do, chị T có yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh Hoàng A trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị T và anh Hoàng A có 02 người con chung tên Đào Ngọc M, sinh ngày 02/11/2009 và Đào Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/5/2018. Hiện nay, các con chung đang sống chung với chị T và các con chung có nguyện vọng được sống chung với chị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung tên Đào Ngọc M và Đào Thị Ngọc T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, tại phiên tòa sơ thẩm chị T không yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con chung nên

không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh Hoàng A.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Nguyễn Thị T khởi kiện thì anh Đào Văn Hoàng A; cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đào Văn Hoàng A và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Chị T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị T nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị T đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Đào Văn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đào Văn Hoàng A.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 và anh Đào Văn Hoàng A, sinh năm 1983 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 21 tháng 12 năm 2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn Hoàng A là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị T và anh Hoàng A hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 01 năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T và anh Hoàng A không còn sống chung từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Chị T và anh Hoàng A đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh Hoàng A trở nên

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Chị T và anh Hoàng A có 02 người con chung tên Đào Ngọc M, sinh ngày 02/11/2009 và Đào Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/5/2018. Hiện nay, các con chung đang sống chung với chị T và các con chung có nguyện vọng được sống chung với chị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu Đào Ngọc M và Đào Thị Ngọc T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T không yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Đào Văn Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Hoàng A không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn Hoàng A ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đào Ngọc M, sinh ngày 02/11/2009 và Đào Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/5/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Đào Văn Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Hoàng A không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006964 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc cthẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.TTKT & THA);
- UBND xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn